

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy trình vận hành hệ thống  
công trình thủy lợi Nam Măng Thít**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Xét Tờ trình số 13/TTr-BQL10-TĐ ngày 24/02/2021 của Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 10 về việc phê duyệt và ban hành Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít.

**Điều 2.** Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2720/QĐ-BNN-TL ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít.

2. Các quy định liên quan đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực phải được sửa đổi, bổ sung phù hợp với Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh; Chủ tịch, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh, Thủ trưởng đơn vị khai thác công trình

thủy lợi tỉnh Vĩnh Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BT Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Lưu VT, TCTL.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Hiệp**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH  
HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT**

*(Ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*



**Năm 2021**

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG .....	1
<i>Điều 1. Các thuật ngữ thường gặp trong quy trình vận hành .....</i>	1
<i>Điều 2. Cơ sở pháp lý .....</i>	2
<i>Điều 3. Nguyên tắc vận hành công trình .....</i>	2
<i>Điều 4. Nhiệm vụ của hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít.....</i>	3
<i>Điều 5. Thông số kỹ thuật chủ yếu các công trình trực tiếp tham gia vận hành của HTCTTL Nam Măng Thít.....</i>	3
<i>Điều 6. Quy định vận hành kỹ thuật đóng mở cửa van và bảo trì .....</i>	3
<i>Điều 7. Thời gian các mùa trong năm và thời vụ sản xuất.....</i>	3
CHƯƠNG II VẬN HÀNH TƯỚI, CẤP NƯỚC.....	3
<i>Điều 8. Trường hợp nguồn nước đảm bảo yêu cầu dùng nước .....</i>	3
<i>Điều 9. Trường hợp nguồn nước không đảm bảo yêu cầu dùng nước .....</i>	4
<i>Điều 10. Trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước.....</i>	5
<i>Điều 11. Vận hành trong trường hợp đặc biệt.....</i>	6
CHƯƠNG III VẬN HÀNH TIÊU, THOÁT NƯỚC .....	7
<i>Điều 12. Vận hành tiêu, thoát nước trong điều kiện bình thường .....</i>	7
<i>Điều 13. Vận hành tiêu, thoát nước trong điều kiện vượt thiết kế.....</i>	7
<i>Điều 14. Vận hành thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường .....</i>	7
<i>Điều 15. Vận hành tiêu nước đệm.....</i>	7
CHƯƠNG IV QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN.....	8
<i>Điều 16. Quan trắc khí tượng, thủy văn .....</i>	8
<i>Điều 17. Quan trắc chất lượng nước .....</i>	8
<i>Điều 18. Quy định về chế độ báo cáo, sử dụng và lưu trữ số liệu khí tượng thủy văn... </i>	9
<i>Điều 19. Quy định về chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc khí tượng thủy văn</i>	9
CHƯƠNG V TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN.....	10
<i>Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn trong việc vận hành hệ thống .....</i>	10
<i>Điều 21. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn đối với việc huy động nhân lực, vật tư để ứng phó, phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn công trình.....</i>	11
CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	12
<i>Điều 22. Điều khoản thi hành.....</i>	12
<i>Điều 23. Sửa đổi Quy trình vận hành .....</i>	13
<i>Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm .....</i>	13
PHỤ LỤC I.....	14
LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TƯỚI, CẤP NƯỚC VÀ TIÊU, THOÁT NƯỚC MÙA KHÔ KHI NGUỒN NƯỚC ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ THIẾT KẾ TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG.....	14

PHỤ LỤC II LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TƯỚI, CẤP NƯỚC VÀ TIÊU, THOÁT NƯỚC MÙA KHÔ KHI XẢY RA HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN, Ô NHIỄM NƯỚC.....	19
PHỤ LỤC III LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TIÊU, THOÁT NƯỚC VÀ TƯỚI, CẤP NƯỚC MÙA MƯA TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG.....	24
PHỤ LỤC IV LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TIÊU, THOÁT NƯỚC VÀ TƯỚI, CẤP NƯỚC MÙA MƯA KHI XẢY RA LŨ, NGẬP LỤT, ÚNG, TRIỀU CƯỜNG .....	30
PHỤ LỤC V TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT.....	36
PHỤ LỤC VI THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CÁC CÔNG TRÌNH TRỰC TIẾP THAM GIA VẬN HÀNH CỦA HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT .....	42
PHỤ LỤC VII BẢN ĐỒ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT	50

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH  
HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **829/QĐ-BNN-TCTL** ngày 04/3/2021  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Các thuật ngữ thường gặp trong quy trình vận hành**

- “Mở tiêu, thoát nước” là trạng thái vận hành công trình để nước chảy từ trong hệ thống ra ngoài hệ thống (từ đồng ra sông hoặc ra biển).
- “Mở tưới, cấp nước” là trạng thái vận hành công trình để nước chảy từ ngoài hệ thống vào trong hệ thống (từ sông vào đồng).
- “Vào ra” hay “mở thoáng 2 chiều” là mở cửa cống cho nước chảy qua cống theo trạng thái tự nhiên chảy vào trong đồng hoặc ra sông: nước chảy vào trong đồng khi mực nước phía sông dâng cao hơn mực nước trong đồng; nước chảy ra sông khi mực nước phía sông hạ thấp hơn mực nước trong đồng.
- “Đóng trữ” là đóng cống để ngăn mặn, trữ nước trong đồng.
- “Lịch vận hành cơ sở” là lịch vận hành được tính toán xây dựng trên cơ sở tính toán nhu cầu nước, tài liệu thủy văn thủy lực, hiện trạng các công trình trong hệ thống, thời vụ sản xuất các địa phương thuộc vùng dự án.
- “Lịch điều chỉnh vận hành cơ sở hàng năm” là tuân thủ lịch vận hành cơ sở đã lập trong Quy trình vận hành, được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thời tiết, thủy văn, kế hoạch sản xuất của năm vận hành.
- “Triều cường” hay “lũ lớn, triều cường” là khi mực nước trạm thủy văn Trà Vinh, Cầu Quan lớn hơn Báo động I.
- “Mưa to”, dựa vào thông tin dự báo hay số liệu đo đạc: Theo quy định của Tổ chức Khí tượng Thế giới (WMO), là lượng mưa đo được từ 51 đến 100 mm/24h, hoặc 26 đến 50 mm/12h.

- “Nước ô nhiễm”, tùy thuộc vào đối tượng dùng nước: Nước dùng cho tưới tiêu, dựa vào giá trị giới hạn của QCVN 39:2011/BTNMT; nước dùng cho sinh hoạt, dựa vào Điều 4, QCVN 01-1:2018/BYT và các quy định khác liên quan.

## **Điều 2. Cơ sở pháp lý**

Mọi hoạt động có liên quan đến quản lý vận hành khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít phải tuân thủ:

### 1. Luật

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19 tháng 6 năm 2017.
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013.
- Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

### 2. Nghị định, thông tư

- Nghị định của Chính phủ số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai.
- Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

### 3. Các tiêu chuẩn, quy phạm:

- Công trình thủy lợi – Cấp hạn hán đối với nguồn nước tưới và cây trồng được tưới (TCVN 8643: 2020).
- Công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi (TCVN 8304: 2009).

### 4. Các văn bản liên quan khác

## **Điều 3. Nguyên tắc vận hành công trình**

1. Nguyên tắc chung: Việc vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít phải đảm bảo:

- Thống nhất trong toàn hệ thống, không chia cắt theo địa giới hành chính;
- Hòa lợi ích giữa các vùng và trong toàn hệ thống;
- Tuân thủ chỉ tiêu thiết kế và năng lực thực tế của hệ thống;
- Tuân thủ sự chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền.

## 2. Nguyên tắc vận hành

- Vào mùa khô: Các công thuộc vùng sản xuất ngọt được vận hành để lấy nước ngọt, ngăn mặn, tiêu thoát nước; các công vùng sản xuất mặn, lợ được vận hành để lấy nước mặn, lợ, tiêu, thoát nước.

- Vào mùa mưa: Các công thuộc vùng sản xuất ngọt được vận hành để lấy nước ngọt, ngăn mặn, tiêu úng và thau chua rửa mặn; các công vùng sản xuất mặn, lợ có nhiệm vụ vận hành để tiêu, thoát nước và lấy nước mặn, lợ.

### **Điều 4. Nhiệm vụ của hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít**

- Kiểm soát mặn, triều cường; lấy nước và trữ nước ngọt, tiêu úng, tiêu chua, rửa phèn cho 171.626 ha đất nông nghiệp và 225.682 ha đất tự nhiên (Vĩnh Long 49.020 ha, tỉnh Trà Vinh 176.662 ha) kết hợp nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp;

- Kết hợp giao thông thủy bộ tạo thành mạng lưới giao thông thủy bộ liên hoàn.

### **Điều 5. Thông số kỹ thuật chủ yếu các công trình trực tiếp tham gia vận hành của hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít**

Thông số kỹ thuật chủ yếu của các công trình tham gia vận hành tại **Phụ lục VI** và **Phụ lục VII**.

### **Điều 6. Quy định vận hành kỹ thuật đóng mở cửa van và bảo trì**

Tuân thủ theo quy định, quy trình của nhà sản xuất, thiết kế chế tạo, xây dựng, lắp đặt công trình và các quy định khác có liên quan.

### **Điều 7. Thời gian các mùa trong năm và thời vụ sản xuất**

- Mùa khô từ đầu tháng 12 của năm trước đến cuối tháng 4 năm sau.

- Mùa mưa từ đầu tháng 5 đến cuối tháng 11.

- Thời vụ sản xuất: Vụ Đông Xuân từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, vụ Hè Thu từ tháng 3 đến tháng 8, vụ Thu Đông/Mùa từ tháng 7 đến tháng 11 hàng năm.

## **Chương II**

### **VẬN HÀNH TƯỚI, CẤP NƯỚC**

#### **Điều 8. Trường hợp nguồn nước đảm bảo yêu cầu dùng nước**

1. Khi chênh lệch mực nước thượng, hạ lưu các công Vũng Liêm, Láng Thέ, Cái Hóp, Tân Dinh, Bông Bót, Cần Chông, Rạch Rum, Mỹ Văn đủ điều



kiện mở lấy nước và độ mặn thượng lưu các cống  $< 1,0 \%$  thì vận hành mở để lấy nước ngọt vào hệ thống.

2. Khi độ mặn  $> 1,0 \%$  xuất hiện tại thượng lưu các cống đến đâu thì vận hành đóng các cống đến đó.

3. Các cống Bến Chùa, Thâu Râu, Vinh Kim, Chà Và được vận hành cấp nước theo yêu cầu nuôi trồng thủy sản cho các vùng ven sông Cổ Chiên đến Bắc QL 53 thuộc huyện Cầu Ngang, Châu Thành khi xâm nhập mặn tại các cống nội đồng trên tuyến phân ranh không vượt quá mức cho phép. Trường hợp vượt quá mức cho phép phải điều chỉnh cấp nước mặn để đảm bảo độ mặn cho phép tại các tuyến phân ranh.

4. Chi tiết chế độ vận hành các công trình chính tuân thủ lịch vận hành cơ sở tại **Phụ lục I, Phụ lục III** và lịch điều chỉnh vận hành cơ sở tương ứng (nếu có).

5. Việc vận hành mở cống phục vụ giao thông thủy theo yêu cầu trung bình 02 ngày/lần, kết hợp tiêu phục vụ môi trường trong thời gian kiểm soát mặn, trữ ngọt chỉ được mở vào thời điểm giao nhau giữa nước lớn và nước ròng ban ngày; số cửa mở tối đa không quá 2 cửa/cống.

6. Trong điều kiện thuận lợi cho phép vận hành cống 2 chiều để thau rửa hệ thống, cải thiện chất lượng nước.

### **Điều 9. Trường hợp nguồn nước không đảm bảo yêu cầu dùng nước**

1. Theo dõi chặt chẽ độ mặn tại thượng lưu các cống đầu mối ven sông Tiền, sông Hậu, vận hành linh hoạt để lấy nước, ngăn mặn

a) Các cống Vũng Liêm, Láng Thè, Cái Hóp, Cần Chông

- Khi độ mặn thượng lưu cống  $< 1 \%$ : Vận hành đóng, mở linh hoạt 1÷2 khoang cửa đóng mở thủy lực; các cửa vận hành tự động theo điều kiện mực nước, độ mặn cho phép.

- Khi độ mặn thượng lưu cống  $> 1 \%$ : Vận hành đóng cửa cống để kiểm soát mặn, trữ ngọt.

b) Các cống Tân Dinh, Bông Bót, Mỹ Văn, Rạch Rum

- Khi độ mặn thượng lưu cống  $< 1 \%$ : Vận hành từ 1÷2 cửa cấp nước, tùy theo nhu cầu.

- Độ mặn thượng lưu cống  $> 1 \%$ : Vận hành đóng cửa cống để kiểm soát mặn, trữ ngọt.

2. Các cống cấp nước vùng sản xuất ngọt, khi độ mặn  $> 1,0$  ‰ trên các sông trực chính xuất hiện đến đâu thì đóng khóa cửa đến đó.

3. Các cống cấp nước vùng sản xuất mặn, lợ

- Vùng ven sông Cổ Chiên đến Bắc QL 53 thuộc huyện Cầu Ngang, Châu Thành; vùng 3a, vận hành theo quy định tại Điều 8.

- Trường hợp nước trong vùng có độ mặn cao vượt mức cho phép nuôi trồng thủy sản thì mở các cống Thâu Râu – Bến Chùa, La Bang, Hàm Giang hoặc các cống khác khi điều kiện cho phép để giảm lượng độ mặn cải thiện môi trường nước.

4. Chế độ vận hành các công trình chính tuân thủ lịch vận hành cơ sở tại **Phụ lục I, Phụ lục III** và lịch điều chỉnh vận hành cơ sở tương ứng (nếu có).

### **Điều 10. Trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước**

1. Trường hợp hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn

a) Cơ quan quản lý khai thác xây dựng phương án đảm bảo nguồn nước, báo cáo, xin ý kiến cấp thẩm quyền chấp thuận và thông báo chi tiết kế hoạch cho các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Trong mùa khô, nếu điều kiện mực nước, độ mặn cho phép, tổ chức vận hành tối đa công trình chủ động lấy nước và trữ nước trong hệ thống.

c) Đối với các cống cấp nước vùng sản xuất ngọt, khi độ mặn  $> 1,0$  ‰ trên các sông trực chính xuất hiện đến đâu thì đóng cửa của các cống đến đó.

d) Đối với các cống vùng sản xuất mặn, lợ thuộc vùng ven sông Cổ Chiên đến Bắc QL 53 vùng 3a, vận hành theo quy định tại Điều 8.

e) Chế độ vận hành các công trình chính tuân thủ lịch vận hành cơ sở tại **Phụ lục II, Phụ lục IV** và lịch điều chỉnh vận hành cơ sở.

f) Điều chỉnh kế hoạch vận hành cơ sở phù hợp theo kết quả kiểm tra 2 tuần/lần về độ mặn, mực nước nội đồng tại các điểm sau:

- Dọc theo kênh 3/2 tại Cầu Sắt (đầu kênh Chánh Hội), cầu Phước Hưng, cầu Long Hiệp.

- Điểm đầu kênh Trà Mềm (giáp kênh Thống Nhất tại xã Ngãi Hùng), cầu Tập Sơn, điểm giao nhau giữa kênh Trà Mềm và kênh Vàm Buôn.

- Cầu Leng (trên kênh T9), cầu Ngọc Biên (trên kênh Vàm Buôn).

- Các điểm cầu Ba Si, Láng Thê, Mỹ Huê, Mây Túc, Ô Chát.

g) Đắp đập tạm ngăn mặn khi độ mặn  $> 1 ‰$  tại đầu các kênh, rạch phía thượng nguồn chưa có công kiểm soát.

## 2. Trường hợp ô nhiễm nguồn nước

- Thông báo các địa phương, người dân liên quan về diễn biến ô nhiễm nguồn nước.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định nguyên nhân, nguồn gây ô nhiễm nguồn nước và xử lý ô nhiễm theo qui định.

- Khoanh vùng bị ảnh hưởng trực tiếp của ô nhiễm nguồn nước, đóng các cửa cống trên ranh khu vực có ô nhiễm nguồn nước.

- Mở các cống ở khu vực không ảnh hưởng của ô nhiễm để cấp nước cho khu vực ảnh hưởng ô nhiễm, đồng thời mở cống phía hạ lưu của khu vực ảnh hưởng ô nhiễm để tiêu thoát nước ô nhiễm khi điều kiện cho phép.

## **Điều 11. Vận hành trong trường hợp đặc biệt**

1. Khi có tin dự báo bão gần, áp thấp nhiệt đới hoặc mưa lớn nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực, lũ sông lên cao (báo động 3 trở lên)

a) Cơ quan quản lý khai thác đề xuất Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh quyết định phương án vận hành, đồng thời báo cáo Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Không mở lấy nước vào trong hệ thống; mở tiêu, thoát nước đê khi điều kiện cho phép.

## 2. Khi công trình chính gặp sự cố

a) Cơ quan quản lý khai thác báo cáo sự cố công trình đến các cấp có thẩm quyền; chủ trì, phối hợp các địa phương liên quan xây dựng phương án và tổ chức ứng phó sự cố.

b) Khi công trình gặp sự cố thuộc vùng sản xuất ngọt, đóng các cống thứ cấp thuộc vùng ảnh hưởng cống gặp sự cố, khi nước phía sông của cống thứ cấp có độ mặn  $S > 1 ‰$ . Mở lấy nước các cống phía thượng nguồn vùng bị ảnh hưởng công trình gặp sự cố khi độ mặn  $S < 1 ‰$ , để đẩy mặn hoặc giảm thiểu xâm nhập mặn cho vùng có cống gặp sự cố.

### Chương III

## VẬN HÀNH TIÊU, THOÁT NƯỚC

#### **Điều 12. Vận hành tiêu, thoát nước trong điều kiện bình thường**

1. Trong thời gian từ đầu tháng 2 đến cuối tháng 4, định kỳ từ 7 đến 10 ngày mở tiêu, thoát nước 1 lần, luân phiên các cống La Bang, Hàm Giang hoặc cống khác nếu điều kiện cho phép.

2. Từ đầu tháng 5, vận hành linh hoạt các công trình để lấy nước phục vụ nhu cầu dùng nước, ngăn lũ và tiêu thoát nước để rửa mặn, rửa phèn, cải thiện môi trường nước.

3. Từ cuối mùa mưa (tháng 11), tùy theo tình hình thực tế, nguồn nước, vận hành công trình để trữ nước, đề phòng mực nước ngoài sông thấp và ứng phó xâm nhập mặn.

4. Chế độ vận hành các công trình chính tuân thủ lịch vận hành cơ sở tại **Phụ lục III, Phụ lục I** và lịch điều chỉnh vận hành cơ sở (nếu có).

#### **Điều 13. Vận hành tiêu, thoát nước trong điều kiện vượt thiết kế**

Cơ quan quản lý khai thác xây dựng phương án đảm bảo tiêu, thoát nước; báo cáo, xin ý kiến cấp thẩm quyền chấp thuận và thông báo chi tiết kế hoạch cho các cơ quan, đơn vị liên quan.

Toàn bộ các công trình trong hệ thống chỉ mở tiêu, thoát nước khi mực nước ngoài cống (phía sông) thấp hơn mực nước trong cống (phía đồng).

#### **Điều 14. Vận hành thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường**

Khi mực nước tại trạm Trà Vinh, Cầu Quan > Báo động I, đóng các cống để ngăn lũ lớn, triều cường.

Quy định vận hành các công trình chính để thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường như **Điều 13** và **Phụ lục IV**.

#### **Điều 15. Vận hành tiêu nước đê**

1. Trường hợp dự báo có bão gần hoặc áp thấp nhiệt đới gây mưa lớn vùng dự án

a) Cơ quan quản lý khai thác đề xuất Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh quyết định phương án vận hành, đồng thời báo cáo Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Không mở lấy nước vào trong hệ thống; mở tiêu, thoát nước đê khi điều kiện cho phép.

## 2. Trường hợp công trình gặp sự cố

### a) Trường hợp công trình gặp sự cố cửa van

Cơ quan quản lý khai thác báo cáo sự cố công trình đến các cấp có thẩm quyền; chủ trì, phối hợp các địa phương liên quan xây dựng phương án và tổ chức ứng phó sự cố.

Đóng các cống thứ cấp thuộc vùng ảnh hưởng công gặp sự cố, khi nước phía sông của cống thứ cấp có độ mặn  $S > 1 ‰$ .

Mở lấy nước các cống phía thượng nguồn vùng bị ảnh hưởng công trình gặp sự cố khi độ mặn  $S < 1 ‰$  để giảm thiểu xâm nhập mặn cho vùng có cống gặp sự cố.

### b) Trường hợp có nguy cơ hoặc xảy ra sự cố tràn dầu, hay sự cố môi trường

- Cơ quan quản lý khai thác báo cáo sự cố tràn dầu hay sự cố môi trường đến các cấp có thẩm quyền; chủ trì, phối hợp các địa phương liên quan xây dựng phương án và tổ chức ứng phó sự cố sự cố tràn dầu hay sự cố môi trường.

- Khoanh vùng ảnh hưởng trực tiếp nguy cơ hoặc xảy ra sự cố tràn dầu hay sự cố môi trường, đóng các cửa cống trên ranh khu vực xảy ra sự cố.

- Khi xử lý sự cố xong, vận hành theo quy định tại Quy trình vận hành.

## Chương IV

### QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

#### **Điều 16. Quan trắc khí tượng, thủy văn**

1. Các vị trí quan trắc do đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi quyết định.

2. Chế độ quan trắc, lập sổ theo dõi số liệu quan trắc thực hiện theo quy định hiện hành tại QCVN 47: 2012/BTNMT về quan trắc thủy văn; TCVN 8304: 2009 về công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi.

#### **Điều 17. Quan trắc chất lượng nước**

Các đơn vị quản lý khai thác có trách nhiệm tổ chức quan trắc, giám sát các chỉ tiêu sau:

- Giám sát độ mặn, chua phèn tại các vị trí cống kiểm soát mặn, cống trên tuyến phân ranh mặn - ngọt.

- Giám sát độ mặn ngoài sông tại các vị trí công có nhiệm vụ cấp nước ngọt.

- Giám sát độ mặn, chua phèn trong hệ thống.

**Điều 18. Quy định về chế độ báo cáo, sử dụng và lưu trữ số liệu khí tượng thủy văn**

- Các đơn vị quản lý khai thác và các đơn vị liên quan phối hợp với các đơn vị chuyên ngành khí tượng, thủy văn tập hợp đủ tài liệu phục vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Công tác báo cáo, sử dụng và lưu giữ số liệu khí tượng, thủy văn tuân thủ theo các quy định hướng dẫn hiện hành tại Thông tư số 32/2017/TT-BTNMT về Quy định kỹ thuật thu nhận, bảo quản, lưu trữ và khai thác tài liệu khí tượng thủy văn.

**Điều 19. Quy định về chế độ kiểm tra định kỳ các thiết bị, dụng cụ quan trắc khí tượng thủy văn**

Công tác kiểm tra bảo dưỡng định kỳ và khắc phục sự cố đột xuất đối với các thiết bị, dụng cụ quan trắc khí tượng thủy văn tuân thủ theo quy định tại thông Thông tư số 70/2015/TT-BTNMT ngày 23/12/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

## **Chương V**

### **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn trong việc vận hành hệ thống**

##### **1. Tổng cục Thủy lợi**

Khi có nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với công trình đầu mối, kênh trục chính, Tổng cục Thủy lợi báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét chỉ đạo giải pháp ứng phó.

##### **2. Ủy ban nhân dân các cấp trong hệ thống**

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thường xuyên chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy trình vận hành trên địa bàn quản lý;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân nhân liên quan thực hiện các quy định liên quan của Quy trình này;

- Kịp thời ngăn chặn và xử lý những hành vi vi phạm, cản trở việc thực hiện Quy trình vận hành;

- Tổ chức thực hiện quy định về bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi theo quy định pháp luật hiện hành.

##### **3. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp**

- Chỉ đạo triển tổ chức thực hiện phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn; trường hợp vượt quá thẩm quyền, phải báo cáo Ủy ban nhân dân các cấp và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp trên;

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

##### **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long**

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cơ quan quản lý khai thác liên quan và các địa phương trong hệ thống thực hiện Quy trình vận hành;

- Phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành;

- Kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh và Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai xử lý các trường hợp vượt quá thẩm quyền;

- Cung cấp kế hoạch sản xuất nông nghiệp, nhu cầu dùng nước, thứ tự ưu tiên cấp nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

5. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh, Đơn vị khai thác công trình thủy lợi tỉnh Vĩnh Long

- Chịu trách nhiệm quản lý và vận hành hệ thống theo các quy định của pháp luật và Quy trình này; chuẩn bị phương án, vật tư, thiết bị phòng chống ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh chủ trì, phối hợp với Đơn vị khai thác công trình thủy lợi tỉnh Vĩnh Long xây dựng chương trình phối hợp quản lý, vận hành, khai thác chi tiết trên cơ sở các quy định tại Quy trình vận hành này;

- Tổ chức theo dõi tình hình thời tiết, thủy văn, thời vụ sản xuất hàng năm để điều chỉnh lịch vận hành cơ sở và lập kế hoạch điều tiết nước cho từng thời đoạn trên cơ sở các quy định tại Quy trình vận hành này;

- Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện lịch điều chỉnh lịch vận hành cơ sở và tổ chức thực hiện lịch vận hành;

- Được quyền lập biên bản và đình chỉ việc cấp nước hoặc tiêu nước đối với những tổ chức, cá nhân vi phạm Quy trình vận hành để báo cáo đến cấp có thẩm quyền xử lý theo thẩm quyền;

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh chủ trì, phối hợp với Đơn vị khai thác công trình thủy lợi tỉnh Vĩnh Long tổng hợp các ý kiến về sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt;

- Hằng năm, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh chủ trì, báo cáo bằng văn bản gửi các cấp có thẩm quyền về kết quả phối hợp trong quản lý khai thác, kết quả phục vụ sản xuất, tình trạng an toàn công trình, kết quả thực hiện Quy trình vận hành này.

#### 6. Các hộ dùng nước

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về thủy lợi và các quy định có liên quan;

- Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định tại Quy trình này.

**Điều 21. Quy định nhiệm vụ và quyền hạn đối với việc huy động nhân lực, vật tư để ứng phó, phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn**



## **công trình**

1. Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long

- Chỉ đạo, chỉ huy triển khai thực hiện phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý; trường hợp vượt quá khả năng, phải báo cáo cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp trên;

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành và nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Ủy ban nhân dân các cấp trong hệ thống

- Phối hợp với Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long và cơ quan quản lý khai thác triển khai thực hiện phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý;

- Huy động nhân lực, vật tư để đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi trong hệ thống theo Luật Đê điều, Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Cơ quan quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long

- Phối hợp với Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã hoặc tương đương, triển khai thực hiện phương án phòng, chống thiên tai trên địa bàn quản lý;

- Có phương án, vật tư thiết bị phòng chống thiên tai, phòng chống ngập lụt, úng, hạn hán, xâm nhập mặn, đảm bảo an toàn công trình theo nhiệm vụ được phân công.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Quy trình vận hành này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành, thay thế Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít ban hành kèm theo Quyết định số 2720/QĐ-BNN-QLN ngày 18 tháng 9 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mọi quy định về vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít trái với những quy định trong Quy trình này đều bãi bỏ.

**Điều 23. Sửa đổi Quy trình vận hành**

Trong quá trình thực hiện Quy trình, trường hợp có khó khăn, vướng mắc thì báo cáo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn xem xét, quyết định việc sửa đổi Quy trình vận hành.

**Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

Những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình này sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**

**Phụ lục I****LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TƯỚI, CẤP NƯỚC VÀ TIÊU, THOÁT NƯỚC MÙA KHÔ  
KHI NGUỒN NƯỚC ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ THIẾT KẾ TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG***(Kèm theo Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít**ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tỉnh Trà Vinh</b>						
<b>I</b>	<b>Hệ thống Thâu Râu</b>						
<b>I.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>						
1	2 cống: Bến Chùa, Thâu Râu	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Hạn chế lấy nước vào khi triều cường
<b>I.2</b>	<b>Cống cấp II</b>						
2	Đồng Tây	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Hạn chế lấy nước vào khi triều cường
3	4 cống: Bàu Sen, Tầm Vu, Lộ Đá, Lạc Hòa	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>II</b>	<b>Hệ thống Chà Và</b>						
<b>II.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>						
4	Vĩnh Bình	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	
5	2 cống: Vĩnh Kim, Chà Và	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Hạn chế lấy nước vào khi triều cường
6	4 cống: Rạch Rập, Cá Trê, Phú Thứ, Lung Mít	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>II.2</b>	<b>Cống cấp II</b>						
7	5 cống: Bình Tân, Ông Tà, Thủy Lợi, Trà Cuôn, Hiệp Hòa	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>III</b>	<b>Hệ thống Nhà Thờ</b>						
<b>III.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>						
8	Nhà Thờ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết

STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
9	3 công: Đa Lộc, Đệp Thạch, Rạch Cầu Kinh	- Đóng trữ - Lấy nước khi độ mặn tại Vàm Trà Vinh < 1 ‰	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
10	6 công: Rạch Kinh, Ngãi Hiệp, Ngãi Hòa, Ba Tiêu, Bà Thao, Bà Trầm	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>III.2</b>	<b>Công cấp II</b>						
11	10 công: Bảy Tắt 2, N5, Ô Tà Bang, Ô Cà Đa Nhỏ, Nhà Thờ 2, Bàng Đa, Ba Trâm 2, Khánh Lộc, Bình La, Hòa Lộc	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
12	2 công: Hai Nhơn, Hai Thức	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>IV</b>	<b>Hệ thống Láng Thê</b>						
<b>IV.1</b>	<b>Công đầu mối</b>						
13	Láng Thê	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
14	2 công: Trại Luận, Đại Phước	Vào, ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>IV.2</b>	<b>Công cấp II</b>						
15	24 công: Kênh N6 đầu, Tắt Vinh 1, Tắt Vinh 2, Phú Đức, Khương Hòa, Ba Xã, Cây Cách, An Trường- Huyện Hội I, An Trường- Huyện Hội 3A, An Trường- Huyện Hội 3B, N2 đầu, N6 cuối, N11 đầu, N9, N1, N2 cuối, 5 Hữu, N11A, N11 cuối, N12, N14A, N9 cuối, Rạch Chùa, Trà Gút	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Đóng khi độ mặn ngoài công Láng Thê > 1,0 ‰
<b>V</b>	<b>Hệ thống Cái Hóp</b>						
<b>V.1</b>	<b>Công đầu mối</b>						
16	Cái Hóp	- Cho vào nhiều	Đóng mở linh	Đóng mở	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại

STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
		cửa, cho ra ít cửa - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	hoạt như ghi chú	linh hoạt như ghi chú			vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>V.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>						
17	3 Công: Chử thập I, Chử Thập II, Rạch Bung	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Đóng công khi độ mặn ngoài cổng Cái Hóp > 1 ‰
<b>VI</b>	<b>Hệ thống Hàm Giang</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
18	3 Công: Đại An, Hàm Giang, La Bang	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>VII</b>	<b>Hệ thống Trà Cú</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
19	Trà Cú	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>VIII</b>	<b>Hệ thống Vàm Buôn</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
20	2 công: Vàm Buôn, Mù U	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>IX</b>	<b>Hệ thống Bắc Trang - Trẹm</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
21	3 Công: Bắc Trang, Trẹm, Trẹm Nhỏ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>X</b>	<b>Hệ thống Cần Chông</b>						
<b>X.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>						
22	Cần Chông	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
23	2 Công: Cầu Sắt, Út Cầm	Cho vào, không cho ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại

STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
							vàm sông > 1 ‰ -Tiêu nước khi cần thiết
<b>X.2</b>	<b>Cổng nội đồng</b>						
24	7 công: Trinh Phụ, Đại Trường, T15-2, T4-9, T4-9, T4-6, Ông Đùng	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Đóng khi độ mặn ngoài công Cản Chông > 1,0 ‰
<b>XI</b>	<b>Hệ thống Mỹ Văn - Rùm Sóc</b>						
<b>XI.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>						
25	3 công: Tân Dinh, Bông Bót, Rạch Rum	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
26	Mỹ Văn	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
27	10 công: Bà Lưới, Bảy Gượng, Bảy Nhân, Tư Trạng, Sáu A, Năm Cầm, Năm Dện, Năm Đùng, Út Xụ, Sáu Dũng	Cho vào, không cho ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	-Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng công khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>XI.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>						
28	6 công: Cổng Kênh Giữa I, Hàng Me, T1, Kênh Giữa 2, Kênh Giữa, Bến Lộ	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Đóng khi độ mặn phía ngoài sông của công Rạch Rum > 1 ‰
<b>XII</b>	<b>Hệ thống Tầm Phương</b>						
<b>XII.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>						
29	Tầm Phương	- Đóng trữ - Lấy nước khi độ mặn tại Vàm Trà Vinh < 1 ‰	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>XII.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>						
30	48 công: Bắc Phên 1 đến Bắc Phên 12, Bắc Phên;	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Đóng khi độ mặn > 1 ‰

STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
	Thanh Nguyên 1 đến Thanh Nguyên 18; T1 đến T4; Ô Xây 1, Ô Xây 3, Ô Xây 5, 3 Châu, 5 Bắc, 4 Bùng, Tâm Phương 1 đến Tâm Phương 6; Cầu Xây						
<b>B</b>	<b>Tỉnh Vĩnh Long</b>						
	<i>Cổng đầu mới</i>						
31	Nàng Âm	Đầu tháng vào ra; Cuối tháng đóng chờ thu hoạch lúa;	Đầu tháng đóng cổng chờ thu hoạch lúa, định kỳ tiêu nước ô nhiễm;	Đóng trữ	Đóng trữ	Lấy nước nếu độ mặn < 1,0 ‰.	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
32	Vũng Liêm	Đầu tháng vào ra; Cuối tháng đóng chờ thu hoạch lúa;	Đầu tháng đóng cổng chờ thu hoạch lúa, định kỳ tiêu nước ô nhiễm;	Đóng, mở linh hoạt	Đóng, mở linh hoạt	Lấy nước nếu độ mặn < 1,0 ‰.	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
33	Cái Tôm	Vào ra	Vào ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Lấy nước nếu độ mặn < 1,0 ‰.	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết

**Phụ lục II****LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TƯỚI, CẤP NƯỚC VÀ TIÊU, THOÁT NƯỚC MÙA KHÔ KHI XẢY RA HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN, Ô NHIỄM NƯỚC***(Kèm theo Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít**ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tỉnh Trà Vinh</b>						
<b>I</b>	<b>Hệ thống Thâu Râu</b>						
<b>I.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>						
1	2 công: Bền Chùa, Thâu Râu	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Hạn chế lấy nước vào khi triều cường
<b>I.2</b>	<b>Cống cấp II</b>						
2	Đòng Tây	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Hạn chế lấy nước vào khi triều cường
3	4 công: Bàu Sen, Tâm Vu, Lộ Đá, Lạc Hòa	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>II</b>	<b>Hệ thống Chà Và</b>						
<b>II.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>						
4	Vĩnh Bình	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	
5	2 công: Vĩnh Kim, Chà Và	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Hạn chế lấy nước vào khi triều cường
6	4 công: Rạch Rập, Cá Trê, Phú Thứ, Lung Mít	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>II.2</b>	<b>Cống cấp II</b>						
7	5 công: Bình Tân, Ông Tà, Thủy Lợi, Trà Cuôn, Hiệp Hòa	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>III</b>	<b>Hệ thống Nhà Thờ</b>						
<b>III.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>						
8	7 công: Nhà Thờ, Rạch Kinh, Ngãi Hiệp, Ngãi Hòa, Ba Tiêu, Bà Thao, Bà Trâm	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết



STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
9	3 công: Đa Lộc, Điệp Thạch, Cầu Rạch Kinh	- Đóng trữ - Lấy nước khi độ mặn tại vàm Trà Vinh < 1 ‰	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>III.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>						
10	10 công: Bảy Tắt 2, N5, Ô Tà Bang, Ô Cà Đa Nhỏ, Nhà Thờ 2, Bông Đa, Ba Trán 2, Khánh Lộc, Bình La, Hòa Lạc	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
11	2 công: Hai Nhon, Hai Thức	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>IV</b>	<b>Hệ thống Láng Thê</b>						
<b>IV.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>						
12	Láng Thê	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
13	2 công: Trại Luận, Đại Phước	Cho vào không cho ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn (của con nước trước liền kề) tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>IV.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>						
14	24 công: Kênh N6 đầu, Tắt Vinh I, Tắt Vinh II, Phú Đức, Khương Hòa, Ba Xã, Cây Cách, An Trường- Huyện Hội I, An Trường- Huyện Hội 3A, An Trường- Huyện Hội 3B, N2 đầu, N6 cuối, N11 đầu, N9, N1, N2 cuối, 5 Hữu, N11A, N11 cuối, N12, N14A, N9 cuối, Rạch Chùa, Trà Gút	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Tiêu nước khi cần thiết

STT	Tên công	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
<b>V</b>	<b>Hệ thống Cái Hóp</b>						
<b>V.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>						
15	Cái Hóp	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>V.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>						
16	3 cổng: Chữ thập I, Chữ Thập II, rạch Bung	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Tiêu nước khi cần thiết
<b>VI</b>	<b>Hệ thống Hàm Giang</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
17	Đại An, Hàm Giang, La bang	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>VII</b>	<b>Hệ thống Trà Cú</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
18	Trà Cú	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>VIII</b>	<b>Hệ thống Vàm Buôn</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
19	2 cổng: Vàm Buôn, Mù U	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>IX</b>	<b>Hệ thống Bắc Trang - Trẹm</b>						
	<b>Cổng đầu mối</b>						
20	3 cổng: Bắc Trang, Trẹm, Trẹm Nhỏ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>X</b>	<b>Hệ thống Cần Chông</b>						
<b>X.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>						
21	Cần Chông	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trừ	Đóng trừ	Đóng trừ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cổng khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết

STT	Tên cống	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
22	2 cống: Cầu Sắt, Út Cầm	Cho vào không cho ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cống khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>X.2</b>	<b>Cống cấp II</b>						
23	7 cống: Trinh Phụ, Đại Trường, T15-2, T4-9, T4-5, T4-6, Ô Đùng	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cống khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>XI</b>	<b>Hệ thống Mỹ Văn - Rùm Sóc</b>						
<b>XI.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>						
24	4 cống: Tân Dinh, Bông Bót, Mỹ Văn, Rạch Rum	- Cho vào nhiều cửa, cho ra ít cửa - Đóng cống khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰	Đóng mở linh hoạt như ghi chú	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cống khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
25	10 cống: Bà Lưới, Bảy Gượng, Bảy Nhân, Tư Trang, Sáu A, Năm Cầm, Năm Dện, Năm Đùng, Út Xụ, Sáu Dũng	Cho vào không cho ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cống khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>XI.2</b>	<b>Cống cấp II</b>						
26	6 cống: Cống Kênh Giữa I, Hàng Me, T1, Kênh Giữa 2, Kênh Giữa, Bến Lộ	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cống khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>XII</b>	<b>Hệ thống Tầm Phương</b>						
	<b>Cống đầu nguồn</b>						
27	Tầm Phương	- Đóng trữ - Lấy nước khi độ mặn tại Vàm Trà	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết

STT	Tên cống	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Ghi chú
		Vĩnh < 1 ‰					
	<b>Cống cấp II</b>						
28	48 cống: Bắc Phèn 1 đến Bắc Phèn 12; Thanh Nguyên 1 đến Thanh Nguyên 18; T1 đến T4; Ô Xây 1, Ô Xây 3, Ô Xây 5, 3 Châu, 5 Bắc, 4 Bùng, Tầm Phương 1 đến Tầm Phương 6, Cầu Xây, Bắc Phèn	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	Cho vào không cho ra	- Lấy nước khi độ mặn tại vàm sông < 1 ‰; - Đóng cống khi độ mặn tại vàm sông > 1 ‰ - Tiêu nước khi cần thiết
<b>B</b>	<b>Tỉnh Vĩnh Long</b>						
	<b>Cống đầu mối</b>						
29	Nàng Âm	Đầu tháng vào ra; Cuối tháng đóng chờ thu hoạch lúa;	Đầu tháng đóng cống chờ thu hoạch lúa, định kỳ tiêu nước ô nhiễm;	Đóng trữ	Đóng trữ	Lấy nước nếu độ mặn nhỏ hơn 1,0 ‰.	
30	Vũng Liêm	Đầu tháng vào ra; Cuối tháng đóng chờ thu hoạch lúa;	Đầu tháng đóng cống chờ thu hoạch lúa, định kỳ tiêu nước ô nhiễm;	Đóng trữ	Đóng trữ	Lấy nước nếu độ mặn nhỏ hơn 1,0 ‰.	
31	Cái Tôm	Vào ra	Vào ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Lấy nước nếu độ mặn nhỏ hơn 1,0 ‰.	

**Phụ lục III**  
**LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TIÊU, THOÁT NƯỚC VÀ TƯỚI, CẤP NƯỚC MÙA MƯA**  
**TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG**

*(Kèm theo Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít  
ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tỉnh Trà Vinh</b>								
<b>I</b>	<b>Hệ thống Thâu Râu</b>								
<b>I.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>								
1	2 cổng: Bến Chùa, Thâu Râu	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to
<b>I.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>								
2	5 cổng: Đồng Tây, Bàu Sen, Tâm Vu, Lộ Đá, Lạc Hòa	Vào ra	Vào ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Tiêu nước khi mưa to tập trung - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>II</b>	<b>Hệ thống Chà Và</b>								
<b>II.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>								
3	Vĩnh Bình	Vào ra	Vào ra	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa lớn
4	2 cổng: Vĩnh Kim, Chà Và	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to
5	4 cổng: Rạch Rập, Cá Trê, Phú Thứ, Lung Mít	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết - Chủ động tiêu nước khi mưa to

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
<b>II.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>								
6	5 công: Bình Tân, Ông Tà, Thủy Lợi, Trà Cuôn, Hiệp Hòa	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
<b>III</b>	<b>Hệ thống Nhà Thờ</b>								
<b>III.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>								
7	2 công: Nhà Thờ, Đa Lộc	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
8	8 công: Rạch Kinh, Điệp Thạch, Ngãi Hiệp, Ngãi Hòa, Ba Tiêu, Bà Thao, Cầu Rạch Kinh, Bà Trâm	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
<b>III.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>								
9	10 công: Bảy Tắt 2, N5, Ô Tà Bang, Ô Cà Đa Nhỏ, Nhà Thờ 2, Bàng Đa, Ba Trăn 2, Khánh Lộc, Bình La, Hòa Lạc	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
10	2 công: Hai Nhơn, Hai Thức	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
<b>IV</b>	<b>Hệ thống Láng Thê</b>								
<b>IV.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>								
11	Láng Thê	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to
12	2 công: Trại Luận, Đại Phước	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
<b>IV.2</b>	<b>Cống cấp II</b>								
13	24 công: Kênh N6 đầu, Tát Vinh I, Tát Vinh II, Phú Đức, Khương Hòa, Ba Xã, Cây Cách, An Trường- Huyện Hội I, An Trường- Huyện Hội 3A, An Trường- Huyện Hội 3B, N2 đầu, N6 cuối, N11 đầu, N9, N1, N2 cuối, 5 Hữu, N11A, N11 cuối, N12, N14A, N9 cuối, Rạch Chùa, Trà Gút	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
<b>V</b>	<b>Hệ thống Cái Hóp</b>								
<b>V.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>								
14	Cái Hóp	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to
<b>V.2</b>	<b>Cống cấp II</b>								
15	3 công: Chũ thập I, Chũ Thập II, Rạch Bung	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra
<b>VI</b>	<b>Hệ thống Hàm Giang</b>								
	<b>Cống đầu mối</b>								
16	Đại An	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	
17	Hàm Giang	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
18	La Bang	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	- Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>VII</b>	<b>Hệ thống Trà Cú</b>								
	<b>Cống đầu mối</b>								
19	Trà Cú	- Đóng trữ	- Đóng trữ	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
		-Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	-Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết						vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
<b>VIII</b>	<b>Hệ thống Vàm Buôn</b>								
	<i>Công đầu mối</i>								
20	2 công: Vàm Buôn, Mù U	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
<b>IX</b>	<b>Hệ thống Bắc Trang - Trẹm</b>								
	<i>Công đầu mối</i>								
21	3 công: Bắc Trang, Trẹm, Trẹm Nhỏ	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
<b>X</b>	<b>Hệ thống Cần Chông</b>								
<i>X.1</i>	<i>Công đầu mối</i>								
22	Cần Chông	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa lớn
23	2 công: Cầu Sắt, Út Cầm	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to
<i>X.2</i>	<i>Công cấp II</i>								
24	7 công: Trinh Phụ, Đại Trường, T15-2, T4-9, T4-5, T4-6, Ông Đùng	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
<b>XI</b>	<b>Hệ thống Mỹ Văn - Rùm Sóc</b>								
<i>XI.1</i>	<i>Công đầu mối</i>								
25	2 công: Tân Dinh, Bông Bót	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu



STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
									nước khi mưa to
26	12 công: Mỹ Văn, Rạch Rum, Bà Lưới, Bảy Gương, Bảy Nhân, Tư Trang, Sáu A, Năm Cầm, Năm Dền, Năm Đùng, Út Xụ, Sáu Dững	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to
<b>XI.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>								
27	6 công: Công Kênh Giữa I, Hàng Me, T1, Kênh Giữa 2, Kênh Giữa, Bến Lộ	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
<b>XII</b>	<b>Hệ thống Tầm Phương</b>								
<b>XII.1</b>	<b>Cổng đầu mối</b>								
28	Tầm Phương	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ - Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường - Tiêu nước khi mưa to
<b>XII.2</b>	<b>Cổng cấp II</b>								
29	48 công: Bắc Phèn 1 đến Bắc Phèn 12; Thanh Nguyên 1 đến Thanh Nguyên 18; T1, đến T4; Ô Xây 1, Ô Xây 3, Ô Xây 5, 3 Châu, 5 Bắc, 4 Bùng, Tầm Phương 1 đến Tầm Phương 6; Cầu Xây, Bắc Phèn	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
<b>B</b>	<b>Tỉnh Vĩnh Long</b>								
	<b>Cổng đầu mối</b>								
30	Nàng Âm	Lấy nước vào nếu độ mặn nhỏ	Vào ra	Vào ra	Vào ra; Đóng công thu hoạch lúa Hè Thu.	Vào ra; Đóng công ngăn triều cường.	Vào ra; Đóng công ngăn triều cường.	Vào ra; Tiêu nước mưa; Đóng công thu hoạch và xuống giống lúa.	
31	Vũng Liêm	Lấy nước	Vào ra	Vào ra	Vào ra; Đóng	Vào ra;	Vào ra;	Vào ra; Tiêu	

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
		vào nếu độ mặn nhỏ			công thu hoạch lúa Hè Thu.	Đóng công ngăn triều cường.	Đóng công ngăn triều cường.	nước mưa; Đóng công thu hoạch và xuống giống lúa.	
32	Cái Tôm	Lấy nước vào nếu độ mặn nhỏ	Vào ra	Vào ra	Vào ra; Đóng công thu hoạch lúa Hè Thu.	Vào ra; Đóng công ngăn triều cường.	Vào ra; Đóng công ngăn triều cường.	Vào ra; Tiêu nước mưa; Đóng công thu hoạch và xuống giống lúa.	

**Phụ lục IV**  
**LỊCH VẬN HÀNH CƠ SỞ TRƯỜNG HỢP TIÊU, THOÁT NƯỚC VÀ TƯỚI, CẤP NƯỚC MÙA MƯA**  
**KHI XẢY RA LŨ, NGẬP LỤT, ÚNG, TRIỀU CƯỜNG**

*(Kèm theo Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít  
ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tỉnh Trà Vinh</b>								
<b>I</b>	<b>Hệ thống Thâu Râu</b>								
<b>I.1</b>	<b>Công đầu mối</b>								
1	2 công: Bến Chùa, Thâu Râu	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng công khi có lũ lớn, triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to tập trung
<b>I.2</b>	<b>Công cấp II</b>								
2	5 công: Đồng Tây, Bàu Sen, Tầm Vu, Lộ Đá, Lạc Hòa	Vào ra	Vào ra	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	-Tiêu nước khi mưa to tập trung -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết
<b>II</b>	<b>Hệ thống Chà Và</b>								
<b>II.1</b>	<b>Công đầu mối</b>								
3	Vĩnh Bình	Vào ra	Vào ra	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng công khi có lũ lớn, triều cường - Tiêu nước khi mưa to tập trung
4	2 công: Vĩnh Kim, Chà Và	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng công khi có lũ lớn, triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to tập trung
5	4 công: Rạch Rập, Cá Trê, Phú Thứ, Lung Mít	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	Đóng trữ	-Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
									- Chủ động tiêu nước khi mưa to tập trung
<b>II.2</b>	<b>Cống cấp II</b>								
6	5 cống: Bình Tân, Ông Tà, Thủy Lợi, Trà Cuôn, Hiệp Hòa	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường -Tiêu nước khi mưa to tập trung
<b>III</b>	<b>Hệ thống Nhà Thờ</b>								
<b>III.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>								
7	2 cống: Nhà Thờ, Đa Lộc	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng cống khi có lũ lớn, triều cường -Tiêu nước khi mưa to tập trung
8	8 cống: Rạch Kinh, Điệp Thạch, Ngãi Hiệp, Ngãi Hòa, Ba Tiêu, Bà Thao, Cầu Rạch Kinh, Bà Trâm	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng cống khi có lũ lớn, triều cường -Tiêu nước khi mưa to tập trung
<b>III.2</b>	<b>Cống cấp II</b>								
9	10 cống: Bảy Tắt 2, N5, Ô Tà Bang, Ô Cà Đa Nhỏ, Nhà Thờ 2, Bàng Đa, Ba Trâm 2, Khánh Lộc, Bình La, Hòa Lạc	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
10	2 cống: Hai Nhơn, Hai Thức	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi cần thiết	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Hạn chế lấy nước vào khi triều cường -Tiêu nước khi mưa to tập trung
<b>IV</b>	<b>Hệ thống Láng Thê</b>								
<b>IV.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>								
11	Láng Thê	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng cống khi có lũ lớn, triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to tập trung

STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
12	2 công: Trại Luận, Đại Phước	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng công khi có lũ lớn, triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to tập trung
<b>IV.2</b>	<b>Cống cấp II</b>								
13	24 công: Kênh N6 đầu, Tắt Vinh I, Tắt Vinh II, Phú Đức, Khương Hòa, Ba Xã, Cây Cách, An Trường- Huyện Hội I, An Trường- Huyện Hội 3A, An Trường- Huyện Hội 3B, N2 đầu, N6 cuối, N11 đầu, N9, N1, N2 cuối, 5 Hữu, N11A, N11 cuối, N12, N14A, N9 cuối, Rạch Chùa, Trà Gút	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
<b>V</b>	<b>Hệ thống Cái Hóp</b>								
<b>V.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>								
14	Cái Hóp	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng công khi có lũ lớn, triều cường - Chủ động tiêu nước khi mưa to tập trung
<b>V.2</b>	<b>Cống cấp II</b>								
15	3 công: Chữ thập I, Chữ thập II, Rạch Bung	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	
<b>VI</b>	<b>Hệ thống Hàm Giang</b>								
	<b>Cống đầu mối</b>								
16	Đại An	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	Cho ra không cho vào	
17	Hàm Giang	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi	- Đóng trữ -Tiêu nước ô nhiễm khi	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	Vào ra	- Đóng công khi có lũ lớn, triều cường -Tiêu nước khi mưa





STT	Tên công	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Ghi chú
30	Nàng Âm	Lấy nước vào nếu độ mặn nhỏ	Vào ra	Vào ra	Vào ra; Đóng cổng thu hoạch lúa Hè Thu.	Vào ra; Đóng cổng ngăn triều cường.	Vào ra; Đóng cổng ngăn triều cường.	Vào ra; Tiêu nước mưa; Đóng cổng thu hoạch và xuống giống lúa.	- Đóng cổng khi có lũ lớn, triều cường -Tiêu nước khi mưa to tập trung
31	Vũng Liêm	Lấy nước vào nếu độ mặn nhỏ	Vào ra	Vào ra	Vào ra; Đóng cổng thu hoạch lúa Hè Thu.	Vào ra; Đóng cổng ngăn triều cường.	Vào ra; Đóng cổng ngăn triều cường.	Vào ra; Tiêu nước mưa; Đóng cổng thu hoạch và xuống giống lúa.	- Đóng cổng khi có lũ lớn, triều cường -Tiêu nước khi mưa to tập trung
32	Cái Tôm	Lấy nước vào nếu độ mặn nhỏ	Vào ra	Vào ra	Vào ra; Đóng cổng thu hoạch lúa Hè Thu.	Vào ra; Đóng cổng ngăn triều cường.	Vào ra; Đóng cổng ngăn triều cường.	Vào ra; Tiêu nước mưa; Đóng cổng thu hoạch và xuống giống lúa.	- Đóng cổng khi có lũ lớn, triều cường -Tiêu nước khi mưa to tập trung



**Phụ lục V**  
**TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**NAM MĂNG THÍT**

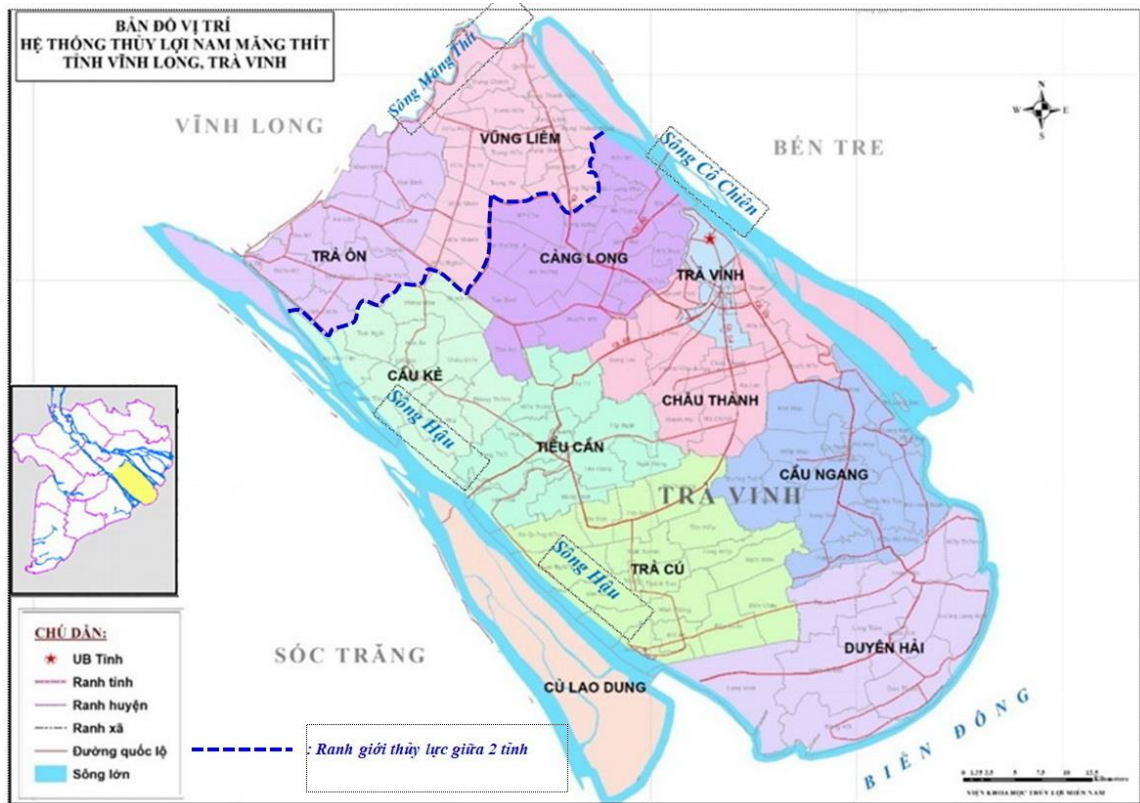
*(Kèm theo Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**5.1. Vị trí địa lý, phạm vi ranh giới**

Hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít thuộc phạm vi tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long với ranh giới như sau (Hình 1):

- Phía Tây Bắc giáp sông Mang Thít;
- Phía Đông Bắc giáp sông Cổ Chiên;
- Phía Đông Nam giáp biển Đông;
- Phía Tây Nam giáp sông Hậu.

Trong đó ranh giới thủy lực giữa tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh của hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít là ranh giới giữa huyện Trà Ôn (Vĩnh Long) với huyện Cầu Kè (Trà Vinh) và giữa huyện Vũng Liêm (Vĩnh Long) với huyện Càng Long, Cầu Kè (Trà Vinh).



Hình 1. Bản đồ vị trí địa lý hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít  
Vùng tiểu dự án bao gồm 8 huyện thị của tỉnh Trà Vinh (Duyên Hải, Càng

Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và Thị xã Trà Vinh), và 2 huyện của tỉnh Vĩnh Long (Trà Ôn, Vũng Liêm). Tổng diện tích tự nhiên vùng tiểu dự án là 225.682 ha, với dân số hơn 1,590 triệu người (năm 2018). Tốc độ tăng trưởng vùng dự án khoảng 12,36%/năm, với GDP bình quân đầu người khoảng 28,237 triệu đồng (tỉnh Vĩnh Long).

## 5.2. Địa hình

Vùng dự án có địa hình đồng bằng ven biển, các huyện phía Bắc có địa hình bằng phẳng hơn so với các huyện ven biển, địa hình dọc theo 2 bờ sông thường cao, vào sâu nội đồng bị các giồng cát hình cánh cung chia cắt tạo nên các vùng trũng cục bộ. Cao trình phổ biến của tỉnh từ +0,1 ÷ +1,0m so với mực nước biển và chiếm 66% diện tích tự nhiên.

## 5.3. Dân sinh kinh tế

Nền kinh tế của ĐBSCL và vùng dự án chủ yếu là nông nghiệp, đặc biệt khu vực dự án, nông nghiệp chiếm hơn 70% tổng cơ cấu kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước chỉ 5 ÷ 8% /năm trong khi tỉ lệ này của khu vực Dự án và ĐBSCL cao hơn nhiều, khu vực dự án là 10,68% (giai đoạn 2014 ÷ 2018).

Tỉ lệ GDP trên đầu người trong khu vực dự án khoảng 1.546 USD cao hơn so với mức trung bình của cả nước là 1.127 USD (Những chỉ số GDP này dựa trên số liệu năm 2014÷2018). Vùng dự án có thế mạnh trong sản xuất khu vực I (Nông nghiệp), tuy nhiên có nhiều hoạt động trong khu vực II và khu vực III. Do đó, GDP trên đầu người ở khu vực dự án ở mức cao.

Phần trăm số hộ tham gia ngành chăn nuôi và lâm sản cũng bằng với tỉ lệ cả nước. Mặt khác, tỉ lệ dân số tham gia vào lĩnh vực thủy sản trong khu vực dự án và ĐBSCL rất cao, chiếm 71% so với tỉ lệ 67% của cả nước. Phần trăm số hộ nuôi tôm ở ĐBSCL và khu vực dự án chiếm trên 70%. Nói cách khác, mặc dù vùng dự án và ĐBSCL từ trước đến nay vẫn được coi là khu vực có sản lượng nông nghiệp cao, nhưng sản lượng thủy sản thậm chí còn chiếm tỉ lệ cao hơn.

## 5.4. Đặc điểm Khí tượng

Toàn vùng dự án nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa quanh năm nóng ẩm, nền nhiệt độ cao và ít thay đổi trong năm, số giờ nắng cao và đặc điểm mưa phân biệt thành hai mùa rõ rệt. Hàng năm, toàn vùng ảnh hưởng chung bởi hai mùa gió chính là gió mùa Đông-Bắc, thổi từ tháng XI, XII đến tháng IV, V năm sau; gió mùa Tây-Nam, thịnh hành từ tháng V, VI đến tháng X-XI. Gió mùa Tây-Nam đóng vai trò quan trọng trong biến trình khí hậu trong toàn vùng nhờ độ ẩm cao, gây mưa lớn và liên tục trong suốt mùa mưa. Thời gian xuất hiện và cường độ của gió mùa quyết định tình hình khí hậu trong từng năm.

Vùng dự án hầu như rất ít bão, theo thống kê, bão đổ bộ vào bờ biển Đông trong gần 100 năm qua, chỉ khoảng 30% số trận bão là có ảnh hưởng đến vùng biển Nam Bộ, trong đó không quá 10% đổ bộ trực tiếp. Ở ĐBSCL, các trận bão

và mạnh lên của gió mùa Tây-Nam gây nên mưa và lũ lớn là năm 1934, 1937, 1947, 1961, 1966, 1978, 1984, 1991, 1994, 1996 và 2000, 2011. So với miền Bắc và miền Trung, bão ảnh hưởng đến Nam Bộ chậm hơn, thường là từ tháng X trở đi, đôi khi đến tận tháng XII. Tuy nhiên, mưa bão gây lũ ở ĐBSCL lại do bão ảnh hưởng vào vùng trung-hạ Lào nên thường xảy ra vào khoảng tháng VIII-IX.

*a) Bức xạ và nắng*

Vùng dự án nằm ở vùng vĩ độ thấp, có độ dài của ngày lớn, số giờ nắng nhiều. Trong mùa khô số giờ nắng trung bình mỗi ngày là 7-8 giờ/ngày. Vào mùa mưa, số giờ nắng trung bình 4-6 giờ/ngày. Số giờ nắng bình quân trong năm khoảng 200 giờ/năm, tổng số giờ nắng khoảng 2400 giờ.

*b) Nhiệt độ*

Nhiệt độ trung bình hàng năm 27°C, biên độ nhiệt hàng năm là 3°C, tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất là tháng 4 (29°C), tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất là tháng 1 (25,6°C). Tổng lượng nhiệt hàng năm cao từ 9.928 °C ÷ 10.07°C.

*c) Độ ẩm không khí và bốc hơi*

Độ ẩm bình quân trong năm thường đạt 83% ÷ 85%, sự chênh lệch độ ẩm giữa các tháng trong năm khoảng 10%. Thời kỳ ẩm nhất trong năm rơi vào tháng 7÷8 (mùa mưa), độ ẩm cao nhất 88%, thời kỳ độ ẩm thấp nhất rơi vào tháng 2÷3, độ ẩm thấp nhất 76%.

*d) Chế độ gió*

Vùng dự án mang đầy đủ đặc trưng về gió của ĐBSCL là có hai mùa gió: gió mùa Tây nam và gió mùa Đông Bắc, tương ứng với hai mùa gió có hai mùa khí hậu rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Do điều kiện địa hình, tạo nên chế độ gió, nói chung khá đồng nhất theo mùa: mùa hè thịnh hành gió Tây Nam, mùa đông ngược lại, thịnh hành gió Đông Bắc đến Đông và có thời gian chuyển tiếp giữa 2 mùa, thông thường là vào khoảng tháng X, gió yếu dần hoặc lặng gió, sau đó chuyển từ Tây Nam sang Đông Bắc và tháng III - IV thì ngược lại, gió chuyển từ Đông Bắc - Đông Nam sang Tây Nam. Trong từng địa phương nhỏ, sự phân bố về cường độ gió có sự khác biệt nhau đáng kể.

Tốc độ gió trung bình tháng, các tháng gió mùa Đông Bắc thường lớn hơn các tháng gió mùa Tây Nam. Tốc độ gió trung bình tháng nhỏ nhất là vào các tháng chuyển tiếp.

*e) Chế độ mưa*

Tổng lượng mưa trung bình năm là 1600÷2000 mm. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11, tháng nhiều mưa nhất là tháng 8. Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, tháng ít mưa nhất là tháng 2. Hàng năm ở có khoảng 130 ngày mưa. Số ngày có lượng mưa trên 25 mm chiếm khoảng 10÷11% tổng số ngày mưa.

Trong toàn mùa mưa cũng chỉ có 5÷6 ngày có lượng mưa lớn hơn 50 mm.

### **5.5. Hệ thống sông, kênh**

Vùng dự án có hệ thống sông, kênh khá phong phú, đa dạng, do cả thiên nhiên và con người tạo ra. Chúng kết nối tạo thành một hệ thống liên thông, ảnh hưởng lẫn nhau, chịu sự chi phối bởi sông Tiền (sông Cổ Chiên) và sông Hậu. Dưới đây là những điểm chính về hệ thống sông, kênh trong vùng.

#### *a) Sông Cổ Chiên*

Sông Cổ Chiên là một nhánh lớn của sông Tiền, rẽ nhánh ở khu vực TP. Vĩnh Long và chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, vào địa phận Trà Vinh ở Càng Long, qua địa bàn TP. Trà Vinh, huyện Châu Thành, Cầu Ngang, rẽ thành hai nhánh bởi cù lao xã Hòa Minh và xã Long Hòa (huyện Châu Thành) và đổ ra biển Đông qua cửa Cung Hầu. Tổng chiều dài trên địa bàn tỉnh Trà Vinh khoảng 45 km. Sông sâu và rộng nhất ở khu vực huyện Càng Long, trung bình từ 1,8 km đến 2,1 km, chịu ảnh hưởng của thủy triều nên khả năng tích nước và thoát nước lớn, lưu lượng bình quân 12.000 - 19.000<sup>3</sup>/s, hàm lượng phù sa 100 – 500 g/m<sup>3</sup>.

#### *b) Sông Hậu*

Sông Hậu chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Qua địa phận huyện Trà Ôn (tỉnh Vĩnh Long) dài khoảng 10 km, tiếp đó thuộc địa bàn tỉnh Trà Vinh có chiều dài khoảng 55 km. Đoạn sông thuộc huyện Cầu Kè rất rộng, sâu. Đoạn cuối sông Hậu chia làm 2 nhánh được phân cách bởi Cù lao Dung, khả năng thoát lũ tốt, lưu lượng bình quân 20.000 – 30.000 m<sup>3</sup>/s, hàm lượng phù sa 200 – 600 g/m<sup>3</sup>.

### **5.6. Tình hình ngập úng và xâm nhập mặn**

#### *a) Tình hình ngập úng*

Tỉnh Trà Vinh ít bị ngập úng do ảnh hưởng lũ từ thượng nguồn sông Mê Công nhưng lại bị ngập úng cục bộ do mưa với cường độ cao tại các vùng có địa hình thấp với mức ngập chủ yếu là 0,4 m÷0,6 m và chiếm 44,8% diện tích tự nhiên ở các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú. Tuy nhiên mức độ ngập chỉ xảy ra trong thời gian ngắn (3 - 5 ngày).

#### *b) Tình hình xâm nhập mặn*

Tỉnh Trà Vinh chịu ảnh hưởng của chế độ triều biển Đông với đặc trưng bán nhật triều không đều (mỗi ngày có 2 lần triều lên và 2 lần triều xuống). Thủy triều thông qua các cửa sông rạch đi vào nội đồng. Vào mùa khô, trước khi có dự án Nam Măng Thít có đến 90% diện tích đất tự nhiên bị nhiễm mặn với nồng độ mặn 4‰, thời gian nhiễm mặn từ 2-6 tháng. Sau khi dự án Nam Măng Thít hoàn thành năm 2008, và bổ sung 03 cống Tân Dinh, Bông Bót, Vũng Liêm cuối năm 2019, tình hình xâm nhập mặn được kiểm soát. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, xâm nhập mặn ngày càng vào sâu hơn và độ mặn 4‰ đã

vượt qua các cửa Vũng Liêm, Tân Định, Bông Bót (như mùa khô năm 2015-2016 và 2019-2020).

### 5.7. Hiện trạng sản xuất nông nghiệp

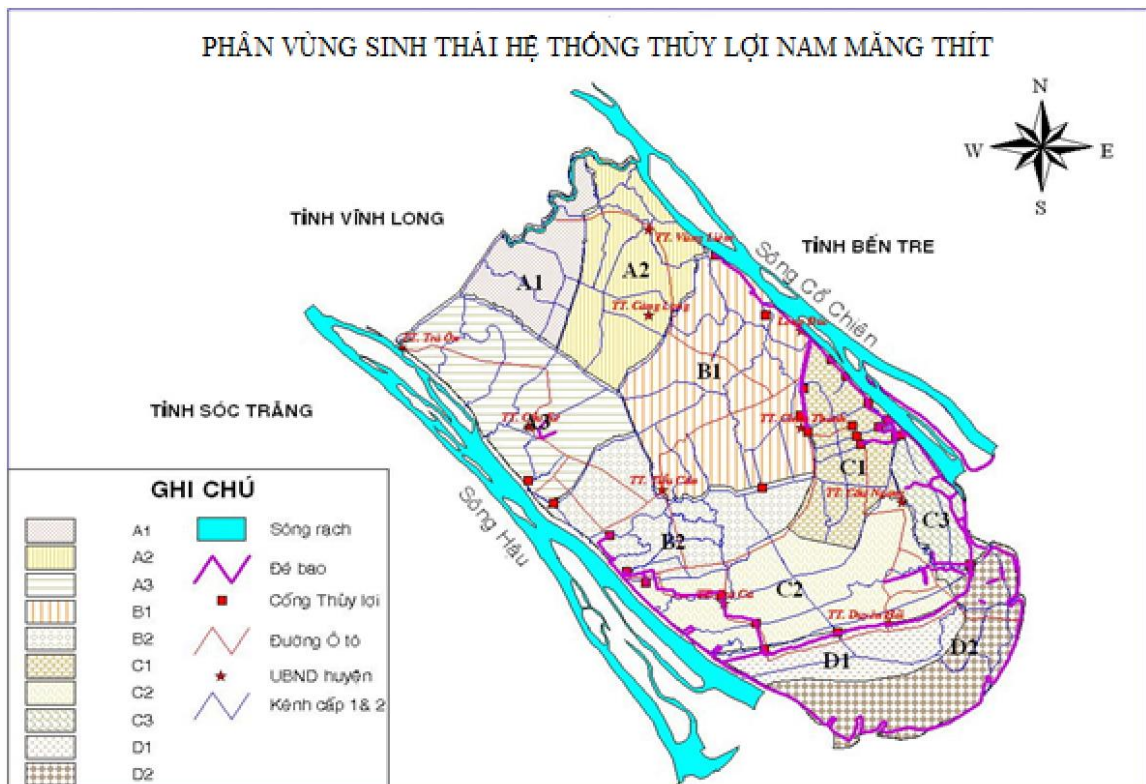
Vùng tiểu dự án được phân vùng thành 3 tiểu vùng với 8 đơn vị sinh thái (Hình 2) với đặc điểm sản xuất cụ thể của từng vùng như sau:

Tiểu vùng A: Nước ngọt quanh năm

Diện tích tự nhiên: 80.027 ha(chiếm 29,93% diện tích nông nghiệp toàn vùng), được phân thành 3 đơn vị sinh thái. Điểm đặc trưng nổi bật chi phối đến sản xuất nông nghiệp của tiểu vùng là có nước ngọt đầy đủ quanh năm, đất phát sinh chủ yếu là đất phèn tiềm tàng sâu và đất phù sa. Do mức ngập khác nhau và hưởng lợi nguồn nước của 3 sông Hậu Giang, Măng Thít, Cỏ Chiên nên tách thành 3 khu:

- Khu A1: Nam Măng Thít, ngập < 50 cm;
- Khu A2: Tây Nam sông Cỏ Chiên, ngập > 50 cm;
- Khu A3: Tây Bắc sông Hậu, không ngập ( $\leq 30$  cm).

Cơ cấu cây trồng phổ biến ở tiểu vùng A là 3 vụ lúa và 2 vụ lúa. Kể từ năm 1990 đã bắt đầu canh tác 3 vụ và tăng nhanh trong 3 năm 1995, 1996, 1997, đặc biệt là đất 3 vụ lúa (Đông Xuân – Hè Thu – Thu Đông)/năm. Riêng đất luân canh lúa – màu mới được các nông hộ sản xuất trên diện tích không lớn và cây trồng được chọn vào cơ cấu luân canh với lúa là: ngô lai, bắp cải, đậu xanh, dưa cải ... ở vụ Xuân Hè, cung ứng cho nhu cầu tiêu dùng tại chỗ.



Hình 2. Phân vùng sinh thái Vùng hưởng lợi của hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít

Tiểu vùng B: Ít ảnh hưởng mặn (thời gian ảnh hưởng mặn 4‰ dưới 3 tháng).

Diện tích tự nhiên: 71.511 ha (chiếm 26,75% diện tích tự nhiên vùng hưởng lợi), gồm 2 đơn vị sinh thái, phân bố kẹp giữa kênh Càng Long-Mỹ Văn (phía Tây Bắc) và cung giồng cát nối thị xã Trà Vinh đến rạch Cần Chông.

Đất ở khu B1 chủ yếu là đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng, ngập nông dưới 30cm, được tưới bằng nguồn nước sông Cổ Chiên.

Đất khu B2 chủ yếu là đất mặn ít và đất phù sa, được tưới bằng nguồn nước sông Hậu.

Tiểu vùng này có điều kiện thuận lợi về đất và ngập nông nên nông dân cũng đã khai thác sản xuất 2 vụ lúa và một số diện tích trồng 2 vụ lúa, 1 vụ màu.

Trong toàn vùng Nam Măng Thít, đây là tiểu vùng được đánh giá là có điều kiện đa dạng hóa cây trồng lớn nhất và sau khi kiểm soát được mặn, cung cấp đủ nước ngọt sẽ cho phép sản xuất 2 vụ lúa cao sản hoặc 2 vụ lúa, 1 vụ màu với các giống lúa có chất lượng gạo ngon, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu có hiệu quả.

Sau năm 1975, nơi đây chủ yếu trồng 1 vụ lúa trong mùa mưa và một diện tích nhỏ canh tác 2 vụ lúa Hè Thu – Mùa. Tính đến năm 1996, phần lớn diện tích đất canh tác cơ cấu 2 ÷ 3 vụ lúa và cây ngắn ngày/năm.

Đây là vùng còn có khả năng tăng vụ, đặc biệt là đa dạng hóa cây trồng lớn nhất ở Nam Măng Thít trong đó các cơ cấu 2 vụ lúa – 1 vụ cây trồng cạn (dưa hấu, khoai loang, bí đỏ, ngô) hoặc 1 vụ lúa – 2 vụ cây trồng cạn vừa góp phần sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm nước và tránh rủi ro do hạn chế về nước gây nên vào các tháng II, III, IV.

Tiểu vùng C: Ảnh hưởng mặn (Thời gian ảnh hưởng mặn kéo dài 3÷8 tháng/năm).

Diện tích tự nhiên: 74.145 ha (chiếm 27,73% diện tích tự nhiên toàn vùng), có 3 đơn vị sinh thái. Đây là vùng chịu ảnh hưởng mặn 4‰ từ 3 ÷ <8 tháng và đất có “vấn đề” (phèn-mặn hoặc mặn). Phân bố tập trung đồng bào Khmer sinh sống trên các cung giồng cát, hệ thống cơ sở hạ tầng chưa phát triển. Do vậy, đất canh tác hàng năm phần lớn gieo cấy một vụ lúa mùa mưa bằng giống địa phương hoặc một số giống cải thiện chịu mặn phèn. Ngoài ra, còn gieo cấy một vụ lúa kết hợp nuôi tôm hoặc 1 vụ lúa-1 vụ màu trồng mùa mưa.

Đây là tiểu vùng còn có nhiều tiềm năng tăng cao (1 vụ lúa lên 2 vụ lúa Hè Thu-Mùa). Thế mạnh là sản xuất các giống lúa đặc sản chất lượng gạo ngon cũng như nhân rộng mô hình lúa-tôm, cá.

**Phụ lục VI**  
**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CÁC CÔNG TRÌNH TRỰC TIẾP THAM GIA VẬN HÀNH**  
**CỦA HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT**

*(Kèm theo Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít  
ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)			
<b>A</b>	<b>Tỉnh Trà Vinh</b>							
<b>I</b>	<b>Hệ thống Thâu Râu</b>							
<b>I.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>							
1	Bến Chùa	Cầu Ngang	3	10	-4,5	Cấp nước, kiểm soát mặn và tiêu thoát nước, nhằm đảm bảo điều kiện chất lượng nước phục vụ NTTs, sinh hoạt trong hệ thống	Tốt	Vận hành thường xuyên
2	Thâu Râu	Cầu Ngang	3	8	-4,5		Tốt	Vận hành thường xuyên
<b>I.2</b>	<b>Cống nội đồng</b>							
3	Đồng Tây	Cầu Ngang	1	7,5	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
4	Bàu Sen	Cầu Ngang	1	3	-2,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
5	Tâm Vu	Cầu Ngang	1	5	-2,5		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
6	Lộ Đá	Cầu Ngang	1	5	-2,5		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
7	Lạc Hòa	Cầu Ngang	2	2,5	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
<b>II</b>	<b>Hệ thống Chà Và</b>							
<b>II.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>							
8	Vĩnh Bình	Cầu Ngang	2	7,5	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
9	Vĩnh Kim	Cầu Ngang	6	10	-4,5		Tốt	Vận hành thường xuyên
10	Chà Và	Cầu Ngang	2	7,5	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
11	Lung Mít	Cầu Ngang	1	2	-2,2		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
12	Cá Trê	Cầu Ngang	1	2	-1,5	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
13	Phú Thứ	Cầu Ngang	1	2	-1,5	Tốt	Vận hành thường xuyên	
14	Rạch Rập	Cầu Ngang	1	2	-1,5	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
<b>II.2</b>	<b>Cống nội đồng</b>							

STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành	
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)				
15	Bình Tân	Cầu Ngang	1	5	-2,5		Tốt	Vận hành thường xuyên	
16	Ông Tà	Cầu Ngang	1	3	-2,0		Tốt	Vận hành thường xuyên	
17	Thủy lợi	Cầu Ngang	1	1	-1,5		hư hỏng		
18	Trà cuộn	Cầu Ngang	1	5	-3,0		có kế hoạch sửa chữa	Vận hành thường xuyên	
19	Hiệp Hòa	Cầu Ngang	2	5	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên	
<b>III</b>	<b>Hệ thống Nhà Thờ</b>								
<b>III.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>								
20	Nhà Thờ	Châu Thành	2	5	-3,0	Phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy, cải tạo môi trường nước, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp: - Có nhiệm vụ kiểm soát mặn, tiếp nước ngọt từ sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cổ Chiên nhằm nâng cao mực nước trong hệ thống. - Định kỳ tiêu thoát nước để giảm mặn và rửa phèn nhằm đảm bảo điều kiện chất lượng nước trong hệ thống.	Tốt	Vận hành thường xuyên	
21	Đa Lộc	Châu Thành	2	5	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên	
22	Tầm Phương	Châu Thành	3	5	-3,0		Xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
23	Rạch Kinh	Châu Thành	1	7,5	-4,0		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết	
24	Điệp Thạch	Tp Trà Vinh	1	3	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên	
25	Ngãi Hiệp	Châu Thành	1	7,5	-4,0		Xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
26	Ngãi Hòa	Châu Thành	1	5	-4,0		Tốt	Vận hành thường xuyên	
27	Ba Tiêu	Châu Thành	1	2	-2,5		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
28	Bà Thao	Châu Thành	2	2	-2,5		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
29	Cầu Rạch Kinh	Tp Trà Vinh	1	3	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên	
30	Bà Tràm	Châu Thành	1	5	-3,0		Xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
<b>III.2</b>	<b>Cống nội đồng</b>								
31	Báy Tắt 2	Châu Thành	1	2	-2,5		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết	
32	N5	Châu Thành	1	2	-2,5		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết	
33	Ô Tà Bang	Châu Thành	1	2	-2,5	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết		
34	Ô Cà Đa Nhỏ	Châu Thành	1	2	-2,5	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết		
35	Nhà Thờ 2	Châu Thành	1	7,5	-3,0	Xuống cấp	Vận hành thường xuyên		
36	Bàng Đa	Châu Thành	1	7,5	-3,0	Xuống cấp	Vận hành thường xuyên		
37	Ba Trâm 2	Châu Thành	1	2	-2,5	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết		
38	Nhà Thờ II	Châu Thành	1	7,5	-3,0	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết		
39	Bàng Đa	Châu Thành	1	7,5	-3,0	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết		



STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)			
40	C. Hai Nhon	Châu Thành	1	3	-2,5		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết
41	C. Khánh Lộc	Châu Thành	2	2	-2,5		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết
42	C. Bình La	Châu Thành	1	3	-2,5		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết
43	C. Hòa Lạc	Châu Thành	1	3	-2,5		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết
44	C. Hai Thức	Châu Thành	1	3	-2,5		Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết
<b>IV</b>	<b>Hệ thống Láng Thê</b>							
<b>IV.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>							
45	Láng Thê	Càng Long	10	10	-4,5	Phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy, cải tạo môi trường nước, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp: - Có nhiệm vụ kiểm soát mặn, tiếp nước ngọt từ sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cổ Chiên nhằm nâng cao mực nước trong hệ thống - Định kỳ tiêu thoát nước để giảm mặn và rửa phèn nhằm đảm bảo điều kiện chất lượng nước trong hệ thống	Tốt	Vận hành thường xuyên
46	Trại Luận	Càng Long	1	3	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
47	Đại Phước	Càng Long	1	3	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
<b>IV.2</b>	<b>Cống nội đồng</b>							
48	Cống kênh N6 đầu	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
49	Tát Vinh I	Càng Long	1	5	-2,7		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
50	Tát Vinh II	Càng Long	1	5	-2,7		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
51	Phú Đức	Càng Long	1	5	-2,7		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
52	Khuong Hòa	Càng Long	1	5	-2,7		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
53	Ba Xã	Càng Long	1	5	-2,7		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
54	Cây Cách	Càng Long	1	3	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
55	An Trường- Huyện Hội I	Càng Long	1	3	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
56	An Trường- Huyện Hội 3A	Càng Long	1	3	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
57	An Trường- Huyện Hội 3B	Càng Long	1	3	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
58	N2 đầu	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
59	N6 cuối	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
60	N11 đầu	Càng Long	1	2	-2,0	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
61	N9	Càng Long	1	2	-2,0	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
62	N1	Càng Long	1	2	-2,0	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
63	N2 cuối	Càng Long	1	2	-2,0	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
64	5 Hữu	Càng Long	1	2	-2,0	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	

STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)			
65	N11A	Càng Long	1	2	-2,0	Phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy, cải tạo môi trường nước, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp: - Có nhiệm vụ kiểm soát mặn, tiếp nước ngọt từ sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cổ Chiên nhằm nâng cao mực nước trong hệ thống - Định kỳ tiêu thoát nước để giảm mặn và rửa phèn nhằm đảm bảo điều kiện chất lượng nước trong hệ thống	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
66	N11 cuối	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
67	N12	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
68	N14A	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
69	N9 cuối	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
70	Rạch Chùa	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
71	Trà Gút	Càng Long	1	2	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
<b>V</b>	<b>Hệ thống Cái Hóp</b>							
<b>V.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>							
72	Cái Hóp	Càng Long	7	10	-4,5		Tốt	Vận hành thường xuyên
<b>V.2</b>	<b>Cống nội đồng</b>							
73	Chữ thập I	Càng Long	1	5	-2,5	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
74	Chữ thập II	Càng Long	1	5	-2,5	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
75	Rạch Bưng	Càng Long	1	3	-2,0	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
<b>VI</b>	<b>Hệ thống Hàm Giang</b>							
	<b>Cống đầu mối</b>							
76	Đại An	Trà Cú	1	7,5	-4,0	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết	
77	Hàm Giang	Trà Cú	1	4	-2,5	Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết	
78	La Bang	Trà Cú	2	5	-3,0	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết	
<b>VII</b>	<b>Hệ thống Trà Cú</b>							
	<b>Cống đầu mối</b>							
79	Trà Cú	Trà Cú	2	7,5	-3,0	Có kế hoạch sửa chữa	Chỉ vận hành khi cần thiết	
<b>VIII</b>	<b>Hệ thống Vàm Buôn</b>							
	<b>Cống đầu mối</b>							
80	Vàm Buôn	Trà Cú	2	7,5	-3,0	Xuống cấp	Chỉ vận hành khi cần thiết	
81	Mù U	Trà Cú	1	10	-4,0	Có kế hoạch sửa chữa	Chỉ vận hành khi cần thiết	
<b>IX</b>	<b>Hệ thống Bắc Trang - Trẹm</b>							
	<b>Cống đầu mối</b>							

STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)			
82	Bắc Trang	Trà Cú	1	7,5	-3,0	Phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy, cải tạo môi trường nước, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp: - Có nhiệm vụ kiểm soát mặn, tiếp nước ngọt từ sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cổ Chiên nhằm nâng cao mực nước trong hệ thống - Định kỳ tiêu thoát nước để giảm mặn và rửa phèn nhằm đảm bảo điều kiện chất lượng nước trong hệ thống	Có kế hoạch sửa chữa	Chỉ vận hành khi cần thiết
83	Trẹm	Tiểu Cần	1	5	-3,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
84	Trẹm Nhỏ	Tiểu Cần	1	3	-2,0		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
<b>X</b>	<b>Hệ thống Cần Chông</b>							
<b>X.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>							
85	Cần Chông	Tiểu Cần	8	10	-4,5		Tốt	Vận hành thường xuyên
86	Cầu Sắt	Tiểu Cần	1	3	-2,2		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
87	Út Cầm	Tiểu Cần	1	3	-2,2		Tốt	Chỉ vận hành khi cần thiết
<b>X.2</b>	<b>Cống nội đồng</b>							
88	Trình Phụ	Tiểu Cần	2	3	-3,0		Xuống cấp 40% (Không còn cửa)	Vận hành thường xuyên
89	Đại Trường	Tiểu Cần	1	3	-3,0	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
90	T15-2	Tiểu Cần	1	2	-2,5	Xuống cấp 40% (Không còn cửa)	Vận hành thường xuyên	
91	T4-9	Tiểu Cần	1	2	-1,5	Xuống cấp 50%	Vận hành thường xuyên	
92	T4-5	Tiểu Cần	1	2	-2,5	Xuống cấp 50%	Vận hành thường xuyên	
93	T4-6	Tiểu Cần	1	2	-2,5	Xuống cấp 50%	Vận hành thường xuyên	
94	Cống Ô Đùng	Tiểu Cần	2	3	-3,0	Xuống cấp 40% (Không còn cửa)	Vận hành thường xuyên	
<b>XI</b>	<b>Hệ thống Mỹ Văn - Rùm Sóc</b>							
<b>XI.1</b>	<b>Cống đầu mối</b>							
95	Bông Bót	Cầu Kè	3	20	-5,0	Tốt	Vận hành thường xuyên	
96	Tân Dinh	Cầu Kè	2	20	-5,0	Tốt	Vận hành thường xuyên	
97	Mỹ Văn	Cầu Kè	2	10	-4,5	Tốt	Vận hành thường xuyên	
98	Rạch Rum	Cầu Kè	3	10	-4,5	Tốt	Vận hành thường xuyên	
99	Bà Lưới	Cầu Kè	1	5	-2,7	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
100	Bảy Gượng	Cầu Kè	1	3	-2,0	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
101	Bảy Nhân	Cầu Kè	1	3	-2,0	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	

STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)			
102	Tư Trạng	Cầu Kè	1	2	-2,0	Phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy, cải tạo môi trường nước, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp: - Có nhiệm vụ kiểm soát mặn, tiếp nước ngọt từ sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cổ Chiên nhằm nâng cao mực nước trong hệ thống - Định kỳ tiêu thoát nước để giảm mặn và rửa phèn nhằm đảm bảo điều kiện chất lượng nước trong hệ thống	xuống cấp	Vận hành thường xuyên
103	Sáu A	Cầu Kè	1	2	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
104	Năm Cầm	Cầu Kè	1	2	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
105	Năm Dện	Cầu Kè	1	2	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
106	Năm Đưng	Cầu Kè	1	2	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
107	Út Xụ	Cầu Kè	1	3	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
108	Sáu Dũng	Cầu Kè	1	2	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
<b>XI.2</b>	<b>Cống nội đồng</b>							
109	Cống Kênh Giữa I	Cầu Kè	1	5	-2,5		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
110	Hàng Me	Cầu Kè	1	3	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
111	T1	Cầu Kè	1	3	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
112	C. Kênh Giữa 2	Cầu Kè	1	3	-2,0		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
113	C. Kênh Giữa	Cầu Kè	1	3	-2,2		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
114	Bến Lộ	Cầu Kè	1	2,5	-2,		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
<b>XII</b>	<b>Hệ thống Tầm Phương</b>							
	<b>Cống nội đồng</b>							
115	Bắc Phèn 1	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
116	Bắc Phèn 2	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
117	Bắc Phèn 3	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
118	Bắc Phèn 4	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
119	Bắc Phèn 5	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
120	Bắc Phèn 6	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
121	Bắc Phèn 7	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
122	Bắc Phèn 8	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
123	Bắc Phèn 9	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
124	Bắc Phèn 10	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
125	Bắc Phèn 11	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	
126	Bắc Phèn 12	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	xuống cấp	Vận hành thường xuyên	

STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)			
127	Thanh Nguyên 1	Châu Thành	1	1,5	- 1,8	Phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp, giao thông thủy, cải tạo môi trường nước, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp: - Có nhiệm vụ kiểm soát mặn, tiếp nước ngọt từ sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cổ Chiên nhằm nâng cao mực nước trong hệ thống - Định kỳ tiêu thoát nước để giảm mặn và rửa phèn nhằm đảm bảo điều kiện chất lượng nước trong hệ thống	xuống cấp	Vận hành thường xuyên
128	Thanh Nguyên 2	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
129	Thanh Nguyên 3	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
130	Thanh Nguyên 4	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
131	Thanh Nguyên 5	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
132	Thanh Nguyên 6	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
133	Thanh Nguyên 7	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
134	Thanh Nguyên 8	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
135	Thanh Nguyên 9	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
136	Thanh Nguyên 10	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
137	Thanh Nguyên 11	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
138	Thanh Nguyên 12	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
139	Thanh Nguyên 13	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
140	Thanh Nguyên 14	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
141	Thanh Nguyên 15	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
142	Thanh Nguyên 16	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
143	Thanh Nguyên 17	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
144	Thanh Nguyên 18	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
145	T1	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
146	T2	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
147	T3	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
148	T4	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
149	Ô Xây 1	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
150	Ô Xây 3	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
151	Ô Xây 5	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
152	3 Châu	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
153	5 Bắc	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên
154	4 Bình	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		xuống cấp	Vận hành thường xuyên

STT	Tên công	Địa điểm	Thông số			Nhiệm vụ	Hiện trạng	Vận hành
			Số cửa	Bcửa (m)	▽đáy (m)			
155	Tầm Phương 1	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		<i>xuống cấp</i>	<i>Vận hành thường xuyên</i>
156	Tầm Phương 2	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		<i>xuống cấp</i>	<i>Vận hành thường xuyên</i>
157	Tầm Phương 3	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		<i>xuống cấp</i>	<i>Vận hành thường xuyên</i>
158	Tầm Phương 4	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		<i>xuống cấp</i>	<i>Vận hành thường xuyên</i>
159	Tầm Phương 5	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		<i>xuống cấp</i>	<i>Vận hành thường xuyên</i>
160	Tầm Phương 6	Châu Thành	1	1,5	- 1,8		<i>xuống cấp</i>	<i>Vận hành thường xuyên</i>
161	Cầu Xây	Châu Thành	3	2	-2,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
162	Bắc Phèn	Châu Thành	1	5	-3,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
<b>B</b>	<b>Tỉnh Vĩnh Long</b>							
	<b>Công đầu mối</b>							
163	Nàng Âm	Vũng Liêm	2	5	-4,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
164	Vũng Liêm	Vũng Liêm	3	25	-5,0		Tốt	Vận hành thường xuyên
165	Cái Tôm	Vũng Liêm	2	10	-4,5	Tốt	Vận hành thường xuyên	

**Phụ lục VII**

**BẢN ĐỒ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM MĂNG THÍT**

*(Kèm theo Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít*

*ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

